

Số: **200** /2019/QĐST- HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 205/2019/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh **Bùi Đình C**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 2, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2019

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T. và anh Bùi Đình C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Bùi Minh Đ, sinh ngày 03/5/2015 cho chị Nguyễn Thị T. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Bùi Đình C. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. là 2.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ mỗi tháng một lần, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh C. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản, công nợ chung:* Chị Nguyễn Thị T. và anh Bùi Đình C. xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T. tự nguyện nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000488 ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Trả lại cho chị T. số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Bùi Đình C. phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường M. (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến